

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 141/2007/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 01 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành mức thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTV-QH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 63/2002/TT-BTC, Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2006/NQ-HĐND ngày 15/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XI kỳ họp thứ 7 về điều chỉnh và bổ sung mức thu các loại phí, lệ phí thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 33/TTr-STC ngày 10/01/2007 về việc Chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, (sau khi đã thống nhất giữa liên ngành: Tài chính - Cục Thuế - Sở Tài nguyên và Môi trường tại Biên bản họp ngày 05/01/2007),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng thu, nộp lệ phí địa chính:

1. Đối tượng nộp lệ phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có công việc về địa chính như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai, trích lục bản đồ địa chính phải nộp lệ phí địa chính.

2. Đối tượng được miễn nộp lệ phí: Không thu lệ phí cấp giấy nhận quyền sử dụng đất đối với cá nhân, hộ gia đình có hộ khẩu thường trú tại các xã, thuộc khu vực III theo Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Bộ Trưởng Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và Miền núi, Quyết định số 42/2001/QĐ-CP ngày 26/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ

về bổ sung các xã vùng cao, cấp quyền sử dụng đất cho các hộ và các tổ chức tái định cư.

3. Cơ quan thu lệ phí:

+ Cấp tỉnh: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí đối với mọi tổ chức, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

+ Cấp huyện, thị xã, thành phố: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện hoặc phòng Tài nguyên và Môi trường (Đối với đơn vị chưa có văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất) thu phí đối với hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư.

Điều 2. Mức thu lệ phí địa chính như sau:

TT	Công việc địa chính	Đơn vị tính	Mức thu		
			Cá nhân, hộ gia đình		Tổ chức
			Tại các phường thuộc T.phố, TX S.Công, TT các huyện	Khu vực khác	
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp hợp thức hóa quyền sử dụng đất Cấp lại GCNQS dụng đất do chủ SD đất làm hỏng, làm mất	Đồng/ giấy	25.000	10.000	100.000
2	Chứng nhận đăng ký biến động đất đai bao gồm: Chứng nhận thay đổi chủ sử dụng đất, thay đổi hình thể, diện tích thửa đất và thay đổi về mục đích sử dụng đất	Đồng/ lần	15.000	5.000	20.000
3	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết trong hồ sơ địa chính + Trích lục văn bản + Trích lục bản đồ địa chính	Đồng/ văn bản Đồng /thửa	10.000	5.000	10.000
			10.000	5.000	10.000
4	Xác nhận tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	Đồng/ lần	20.000	10.000	20.000

Điều 3. Quản lý và sử dụng lệ phí:

1. Quản lý lệ phí.

- Tổ chức thu lệ phí phải mua biên lai do Cục Thuế phát hành và quản lý sử dụng biên lai đúng theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

- Tổ chức thu lệ phí phải mở tài khoản “Tạm giữ tiền phí ” tại Kho bạc nhà nước nơi thu để theo dõi, quản lý tiền lệ phí. Căn cứ vào tình hình thu lệ phí mà định kỳ hàng

ngày hoặc hàng tuần, phải gửi số tiền lệ phí đã thu được trong kỳ vào tài khoản tạm giữ tiền lệ phí và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành.

2. Sử dụng phí.

- Cơ quan thu lệ phí địa chính được để lại 10% trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để thực hiện:

+ Chi phí trực tiếp khác phục vụ cho việc thu lệ phí như: Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, công vụ lệ phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành và các khoản chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc thu lệ phí;

+ Chi làm thêm giờ theo quy định (nếu có);

- Hàng năm, tổ chức thu phí phải lập dự toán thu, chi gửi: Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, Kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền lệ phí kiểm soát chi theo quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư 63/2002/TT-BTC, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006; hàng năm phải quyết toán thu chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền lệ phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

- Trường hợp khi đơn vị có nội dung chi khác với các nội dung trên thì đơn vị phải có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định.

Toàn bộ số tiền lệ phí thu được sau khi trừ các khoản được trích để lại theo quy định trên số còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thu và thanh quyết toán lệ phí.

- Các tổ chức thu lệ phí phải niêm yết mức thu, chứng từ thu tại nơi thu lệ phí, quy định các đối tượng phải nộp, được miễn ở nơi thuận tiện để quan sát để các tổ chức, nhân dân biết và thực hiện.

- Việc quyết toán lệ phí thuộc ngân sách nhà nước thực hiện cùng thời gian với việc quyết toán ngân sách nhà nước. Cơ quan thuế thực hiện quyết toán số thu theo biên lai, tổng số thu, số được để lại, số phải nộp ngân sách nhà nước. Cơ quan tài chính, cơ quan thuế quyết toán số chi từ nguồn thu lệ phí được để lại đơn vị.

Điều 5. Khen thưởng và xử lý vi phạm:

1. Khen thưởng.

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc quản lý, sử dụng phí được khen thưởng theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm.

Tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng phí vi phạm các quy định tại Nghị định 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí, Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị

định 106/2003/NĐ-CP sẽ tùy theo mức độ vi phạm xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện.

Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc nhà nước Thái Nguyên, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Thanh Nghị